**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 – NĂM HỌC 2023-2024 (*Bộ Sách Kết nối tri thức với cuộc sống*)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1 | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Thơ trào phúng |
| Hài kịch |
| Văn bản nghị luận |
| 2 | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước; một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại). | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | ***20%*** | | ***40%*** | | ***30%*** | | ***10%*** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**NĂM HỌC 2023-2024 (*Bộ Sách Kết nối tri thức với cuộc sống*)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười. | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| Thơ trào phúng | **Nhận biết**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ; nhận biết được các yếu tố trào phúng trong thơ.  - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản.  **Thông hiểu**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ trào phúng.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. |
| Hài kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Nhận biết được cách phân cảnh, hồi, cốt truyện và nhân vật của hài kịch.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của vở kịch.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản kịch.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản hoặc xem diễn xuất vở kịch. |
| Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước; một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại). | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. |
| **Tổng** | | |  |  | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

Thời gian làm bài: 90 phút(*không kể thời gian giao đề*)

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**Câu 1.**

A

B

C

D

**Câu 2.**

A

B

C

D

**Câu 3.**

A

B

C

D

**Câu 4.**

A

B

C

D

**Câu 5.**

A

B

C

D

**Câu 6.**

A

B

C

D

**Câu 7.**

A

B

C

D

**Câu 8.**

A

B

C

D

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**

**Câu 10.**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

, em hãy viết bài văn.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 8**

Thời gian làm bài: 90 phút(*không kể thời gian giao đề*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần**  **I** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** |  | 0,5 |
| **2** |  | 0,5 |
| **3** |  | 0,5 |
| **4** |  | 0,5 |
| **5** |  | 0,5 |
| **6** |  | 0,5 |
| **7** |  | 0,5 |
| **8** |  | 0,5 |
| **9** |  | 1,0 |
| **10** |  | 1,0 |
| **Phần II** | | **VIẾT** | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: | 0,25 |
| *c. Nội dung:*  HS có thể triển khai nội dung theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | 3,0 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo… | 0,25 |